TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM TP. CẦN THƠ
160, đường 30 tháng 4, P. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Hotline: 0767.938.399;
Website: www. vieclamcantho.vn; www. xkldcantho.vn

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KỲ THI TIẾNG HÀN NĂM 2025 TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP, SẢN XUẤT CHẾ TẠO VÀ KẾ HOẠCH KIỂM TRA TAY NGHỀ VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

Thực hiện Công văn số 193/SNV-LĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Sở Nội vụ về việc phối hợp thực hiện tuyển chọn người lao động theo Chương trình EPS năm 2025;

Căn cứ Công văn số 524/TTLĐNN-TCLĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước về việc thông báo kết quả kỳ thi tiếng Hàn năm 2025 và kế hoạch kiểm tra tay nghề và đánh giá năng lực.

Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ thông báo kết quả kỳ thi tiếng Hàn năm 2025 (vòng 1) trong ngành nông nghiệp, sản xuất chế tạo và kế hoạch kiểm tra tay nghề và đánh giá năng lực, cụ thể như sau:

1. Danh sách người lao động đạt yêu cầu kỳ thi tiếng Hàn năm 2025 (vòng 1) trong ngành nông nghiệp, sản xuất chế tạo theo *Phụ lục 1 đính kèm* (Người lao động có điểm chuẩn ngành nông nghiệp 140 điểm và sản xuất chế tạo 180 điểm).

2. Kế hoạch kiểm tra tay nghề và đánh giá năng lực

Người lao động đạt yêu cầu tiếng Hàn sẽ được tự động đăng ký để tham dự kiểm tra tay nghề, **việc tham dự kỳ kiểm tra tay nghề là bắt buộc**, người lao động không tham gia kiểm tra tay nghề sẽ không được làm hồ sơ đăng ký dự tuyển đi làm việc tại Hàn Quốc.

- Người lao động có thể nộp hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá năng lực nếu đáp ứng ít nhất một trong số những điều kiện trong ngành đã đăng ký (hồ sơ đáp ứng yêu cầu, người lao động sẽ được cộng tối đa 5 điểm), cụ thể:

+ Có kinh nghiệm làm việc trong ngành nông nghiệp, sản xuất chế tạo;

+ Đã hoàn thành các khóa huấn luyện, đào tạo (Bằng tốt nghiệp các hệ đào tạo với chuyên ngành liên quan tới ngành, nghề đăng ký) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo dài hạn có chuyên ngành liên quan đến ngành đăng ký;

+ Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến ngành đăng ký thông qua các kỳ thi chính thức.

Kế hoạch kiểm tra tay nghề và đánh giá năng lực cụ thể như sau:

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ đánh giá năng lực: **từ 04/07 đến 09/07/2025**

+ Thông báo địa điểm kiểm tra và danh sách ca thi: **21/7/2025**

+ Thời gian kiểm tra tay nghề và đánh giá năng lực: **từ 27/07 đến 31/07/2025**

+ Ngày thông báo kết quả: **08/08/2025**

Người lao động có nguyện vọng tham gia đánh giá năng lực tự tải **Hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá năng lực** theo mẫu của Trung tâm Lao động ngoài nước tại địa chỉ www.colab.moha.gov.vn (mục Tải biểu mẫu) để hoàn thiện và nộp cho Sở Nội vụ địa phương hoặc Đơn vị được giao thực hiện Chương trình EPS tại địa phương nơi người lao động đăng ký dự thi tiếng Hàn, hồ sơ bao gồm:

(1) Phụ lục 1: Đơn đăng ký tham gia đánh giá năng lực

(2) Phụ lục 2 (nếu có): Giấy chứng nhận nghề nghiệp của công ty nơi người lao động đã có thời gian làm công việc liên quan đến ngành nghề đăng ký dự tuyển (nếu có), mỗi công ty đã từng làm việc sẽ tương ứng với 01 Giấy chứng nhận nghề nghiệp.

(3) Phụ lục 3 (nếu có): Giấy xác nhận kinh nghiệm làm việc

Trường hợp người lao động không thể xin được Phụ lục 2 do công ty phá sản hoặc có quy mô quá nhỏ hoặc là doanh nghiệp gia đình, người lao động có thể kê khai thông tin theo mẫu của Phụ lục 3 và nộp kèm bản sao công chứng Căn cước của **02 người xác nhận** (không phải là người thân trong gia đình) về quá trình làm việc của người lao động.

(4) Bản sao có chứng thực Bằng cấp, Chứng nhận đào tạo, huấn luyện liên quan đến ngành nghề người lao động ghi trong đơn đăng ký dự tuyển.

(5) Bản sao có chứng thực Chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ được cấp chính quy bởi cơ quan nhà nước.

Người lao động chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp của hồ sơ đăng ký đánh giá năng lực.

**** Ghi chú:***

- Kinh nghiệm làm việc tại Hàn Quốc được chấp nhận.

- Bên cạnh các mẫu giấy tờ được cung cấp bởi HRD Hàn Quốc, Giấy chứng nhận làm việc được cấp trong hệ thống EPS cũng được chấp thuận.

- Chứng nhận hoàn thành các khóa huấn luyện, đào tạo phải ghi rõ tên của khóa đào tạo, số giờ đào tạo và nội dung đào tạo.

Việc bổ sung, thay đổi giấy tờ liên quan đến hồ sơ đánh giá năng lực chỉ được thực hiện trong thời gian tổ chức tiếp nhận đăng ký. Những hồ sơ đánh giá năng lực bị phát hiện gian lận sẽ bị loại, người lao động có hành vi gian lận sẽ bị hủy bỏ kết quả thi tiếng Hàn, đồng thời bị cấm tham gia các kỳ thi tiếng Hàn trong thời gian 4 năm.

Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ thông báo người lao động đạt yêu cầu kỳ thi tiếng Hàn năm 2025 (vòng 1) trong ngành nông nghiệp, sản xuất chế tạo được biết và thực hiện./.

DANH SÁCH
NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẠT YÊU CẦU VÒNG 1 KỲ THI TIẾNG HÀN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT CHẾ TẠO NĂM 2025
(Theo Công văn số 524/TTLĐNN-TCLĐ ngày 04/7/2025)

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
1	50204891	CHUNG LE MINH	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
2	50204892	THAN THI BICH TRAM	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
3	50204893	TRAN QUANG KIEN	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
4	50204894	NGUYEN THANH TRUNG	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
5	50204895	VO VAN NHA	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
6	50204898	MAI QUANG ANH	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
7	50204904	HUYNH THI THUY NHIEN	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
8	50204910	NGUYEN THI NGOC THUY	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
9	50204911	NGUYEN THI KIEU OANH	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
10	50204913	TRUONG NHAT KHANG	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
11	50204915	DAO THI NHU Y	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
12	50204917	TRAN CHI TINH	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
13	50204927	LY THI YEN NHI	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
14	50204930	LE BA PHUOC	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
15	50205112	TRAN QUANG LINH	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
16	50839093	HUYNH TIEU LONG	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
17	50839105	TRINH THI DIEM MI	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
18	50839131	HO THANH HIEN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
19	50839132	TRINH HOANG PHUC	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
20	50839135	NGUYEN HOANG AN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
21	50839136	NGUYEN QUOC KHANH	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
22	50839140	THAI NHUT HAO	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
23	50839143	LE THI MONG BINH	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
24	50839144	VO THI NGOC LAM	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
25	50839146	NGUYEN KHANH DUY	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
26	50839147	CAO VAN CHUONG	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
27	50839161	TRAN VAN HIEN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
28	50839165	TRAN HO NHUT TIEN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
29	50839168	TRAN THAO VY	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
30	50839170	HA THI HUYNH NHU	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
31	50839175	TRINH MINH LOAN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
32	50839176	NGUYEN NHU NGOC	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
33	50839179	LE HUNG EM	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
34	50839181	LY MANH CUONG	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
35	50839183	NGUYEN THI TU ANH	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
36	50839198	TRINH THI UOC	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
37	50839199	NGUYEN THAI TOAN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
38	50839212	TO THIEN THAO	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
39	50839215	NGUYEN THANH NGUYEN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
40	50839226	TRAN THI HUYNH NHU	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
41	50839232	NGUYEN HONG DUC	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
42	50839233	TRAN DUONG LINH	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
43	50839239	TRAN VU THUA	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
44	50839243	DOM HOANG KHA	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
45	50839245	DANG HIEU NHAN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
46	50839250	NGUYEN THI THUY DUONG	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
47	50839255	TRINH PHU Y	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
48	50839266	HO CHI THONG	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
49	50839267	NGUYEN KIM THUONG	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
50	50839273	DANG THI QUYNH NHU	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
51	50839288	NGUYEN QUOC KHAI	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
52	50839294	NGUYEN THI HONG HANH	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
53	50839296	NGUYEN NHUT XUAN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
54	50839301	BUI THI QUYNH GIAO	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
55	50839309	NGUYEN THI NHU Y	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
56	50839312	PHAM THI ANH VAN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
57	50839316	HOANG THANH HAU	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
58	50839321	PHAN GIA HAN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
59	50839327	VO NHUT NAM	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
60	50839332	NGO VAN HIEU	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
61	50839334	NGUYEN QUOC THANH	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
62	50839341	CAO THI TO VAN	SXCT	TP Cần Thơ	TP Cần Thơ
63	50204851	NGUYEN THI THANH HAN	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
64	50204852	LE HONG VO	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
65	50204853	TRUONG THI KIM LONG	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
66	50204855	DO CHI TAM	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
67	50204858	NGUYEN HOANG MINH	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
68	50204863	NGUYEN BAO TOAN	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
69	50204865	NGUYEN THI THUY LIEU	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
70	50204868	PHAM MINH DUC	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
71	50204875	TRAN KHANH DUY	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
72	50204878	HUYNH THI PHUONG LINH	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Hậu Giang
73	50838891	NGUYEN THI KIM THU	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
74	50838897	PHAM THI NGOC CAN	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
75	50838899	LE DUY KHANH	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
76	50838907	DUONG MINH CHAU	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
77	50838908	NGUYEN THI THANH THOANG	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
78	50838911	TRAN HUU LOI	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
79	50838915	LE THANH NGHIEP	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
80	50838923	HO LUONG HIEN	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
81	50838942	LE THE VINH	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
82	50838944	TRAN THI TU QUYEN	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
83	50838951	LE THI ANH THU	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
84	50838965	NGUYEN THI XUAN VINH	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
85	50838968	NGUYEN THI DIEM THI	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
86	50838976	HUYNH KHANH BANG	SXCT	TP Cần Thơ	Hậu Giang
87	50204944	TRUONG THI QUE TRAN	Nông nghiệp	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
88	50839562	LE THI TUYET HAN	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
89	50839568	NGUYEN HOANG NAM	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
90	50839570	NGUYEN THANH TUNG	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
91	50839571	TRUONG THANH DUY	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
92	50839572	NGUYEN THI NGOC DUNG	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
93	50839574	HA NGUYEN KHANG	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
94	50839575	NGUYEN THI HUYNH NGA	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
95	50839576	PHAN CHI NGUYEN	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
96	50839579	NGUYEN THANH DAT	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
97	50839584	TRAN HOANG QUAN	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
98	50839587	SON THI LY	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/ thành phố	Ghi chú (theo Đơn vị tỉnh/tp trước ngày 01/7/2025)
99	50839593	NGUYEN THI PHUONG NINH	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
100	50839597	NGUYEN DI THAI	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng
101	50839599	TANG NGOC MINH	SXCT	TP Cần Thơ	Sóc Trăng